

Ma trận đề kiểm tra cuối năm môn Toán lớp 5

TT	Chủ đề			Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Số và phép tính	Số thập phân, các phép tính với số thập phân	Số câu	1			2		1	3	1
			Câu số	1			8,9		11		
			Số điểm	0,5			3,0		1,0	05	4,0
		Tỉ số tỉ số phần trăm	Số câu			1				1	
			Câu số			5					
			Số điểm			0,5				0,5	
2	Hình học và đo lường,	Yếu tố hình học	Số câu			2				2	
			Câu số			6,7					
			Số điểm			1,0				1,0	
		Tính toán và ước lượng với số đo đại lượng.	Số câu	2			1			2	1
			Câu số	2,3			10				
			Số điểm	1,0			2,0			1,0	2,0
3	Một số yếu tố thống kê và xác suất					1				1	
						4					
						1,0				1,0	
Tổng số câu				3		4	3		1	7	4
Tổng số điểm				1,5		3,5	5,0		1,0	4,0	6,0

<u>Điểm</u>	<u>Lời nhận xét của giáo viên</u>

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Em hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm các bài tập sau:

Câu 1. Chữ số 5 trong số thập phân 124,659 có giá trị là:

- A. 5 B. 0,5 C. 0,05 D. 0,005

Câu 2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm 144 phút =giờ

- A. 2,4 B. 2,24 C. 2,42 D. 2,44

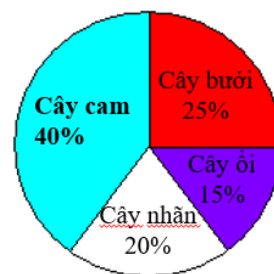
Câu 3. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm $2068\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$

- A. 0,2068 B. 2,068 C. 0,268 D. 20,68

Câu 4. Trong vườn trồng 240 cây với bốn loại cây ăn quả, biểu đồ hình quạt cho biết tỉ số phần trăm của 4 loại cây đó. Đọc số liệu trong biểu đồ và trả lời các câu hỏi:

a. Cây cam chiếm 20% số cây trong vườn, đúng hay sai?

b. Cây bưởi chiếm 25% số cây trong vườn, số cây bưởi là: cây



Câu 5. Phân số $\frac{1}{8}$ được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

- A. 0,125% B. 1,25% C. 12,5% D. 125%

Câu 6. Độ dài cạnh của hình lập phương 5 m thì diện tích toàn phần là:

- A. 20m^2 B. 30m^2 C. 145m^2 D. 150m^2

Câu 7. Một bể nước hình hộp chữ nhật có chiều dài 3m, chiều rộng 2m, chiều cao 1m. Trong bể chứa 70 % nước. Hỏi trong bể có bao nhiêu m^3 ?

- A. $4,2\text{m}^3$ B. 42m^3 C. 420m^3 D. 4200m^3

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 8. Đặt tính rồi tính

$$347,68 + 45$$

$$93,62 - 9,76$$

$$c. 28,5 \times 4,3$$

$$d. 24,5 : 2,5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Tính giá trị của biểu thức:

a) $21,4 \times (37,8 - 32,5)$

.....

.....

.....

b) $\frac{3}{4} + \frac{2}{5} - \frac{13}{20}$

=

.....

.....

Câu 10. Lớp của Mai đi tham quan, ô tô khởi hành từ trường lúc 7 giờ 45 phút và đến địa điểm tham quan lúc 9 giờ 15 phút cùng ngày. Biết rằng ô tô đi với vận tốc là 42 km/h và nghỉ 15 phút. Hỏi quãng đường từ trường đến địa điểm tham quan dài bao nhiêu ki-lô-mét?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$35,75 + 45,8 - 21,75 + 17,24 - 19,8 - 7,24$

.....

.....

.....

.....

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm (4đ) mỗi ý đúng đạt 0,5đ (Câu 4 1đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	A	B	a. Sai b. 60 cây	C	D	A

II. Tự luận

Câu 9 (2đ). Mỗi ý đúng 0,5 đ

- a. $347,68 + 45 = 392,68$ b. $93,62 - 9,76 = 83,86$ c. $28,5 \times 4,3 = 122,55$;
d. $24,5 : 2,5 = 9,8$

Câu 10 (1 điểm). Tính đúng mỗi ý đạt 0,5 điểm

$$21,4 \times (37,8 - 32,5)$$

$$= 21,4 \times 5,3$$

$$= 113,42$$

$$\text{b. } \frac{3}{4} + \frac{2}{5} - \frac{13}{20} = \frac{15}{20} + \frac{8}{20} - \frac{13}{20} = \frac{10}{20} = \frac{1}{2}$$

Câu 11: (2 điểm)

Bài giải

Thời gian ô tô đi từ trường đến địa điểm tham quan là:

$$9 \text{ giờ } 15 \text{ phút} - 7 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 15 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 15 \text{ phút};$$

$$1 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 1,25 \text{ giờ}$$

Quãng đường từ trường đến địa điểm tham quan dài là:

$$42 \times 1,25 = 52,5 \text{ (km)}$$

Đáp số: 52,5 km

Câu 12: (1đ)

$$35,75 + 45,8 - 21,75 + 17,24 - 19,8 - 7,24$$

$$= (35,75 - 21,75) + (45,8 - 19,8) + (17,24 - 7,24)$$

$$= 14 + 26 + 10$$

$$= 40 + 10 = 50$$